Mô hình USECASE

Mục lục

[1. Tổng quan 1](#_Toc331254938)

[2. Mô hình Use Case 1](#_Toc331254939)

[2.1. Danh sách Use Case 2](#_Toc331254940)

[2.2. Actor 3](#_Toc331254941)

[2.2.1. User 3](#_Toc331254942)

[2.2.2. Registered User 4](#_Toc331254943)

[2.2.3. Seller 4](#_Toc331254944)

[2.2.4. Buyer 4](#_Toc331254945)

[2.2.5. Admin 4](#_Toc331254946)

[3. Đặc tả Usecase 4](#_Toc331254947)

[3.1. Product module 6](#_Toc331254948)

[3.1.1. Create a auction 6](#_Toc331254949)

[3.1.2. View product detail 8](#_Toc331254950)

[3.1.3. Places bid 8](#_Toc331254951)

[3.1.4. View products 9](#_Toc331254952)

[3.2. User module 10](#_Toc331254953)

[3.2.1. Create account 10](#_Toc331254954)

[3.2.2. Login 12](#_Toc331254955)

[3.3. Admin module 13](#_Toc331254956)

[3.3.1. Configure System 13](#_Toc331254957)

[3.3.2. Manage Genre 15](#_Toc331254958)

# Tổng quan

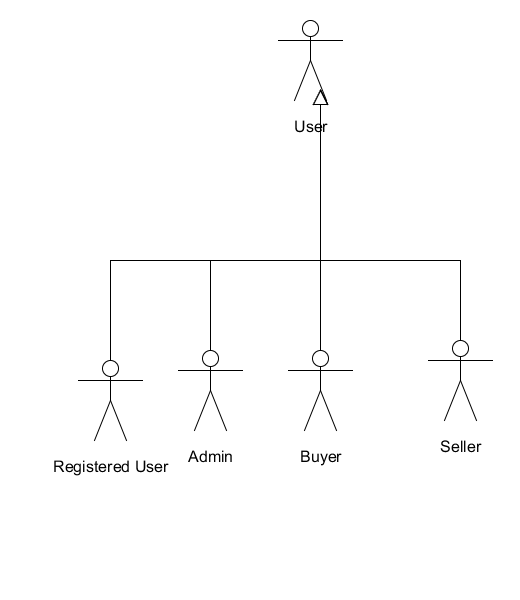
# Mô hình Use Case

Hình 1: Mô hình Usecase

## Danh sách Use Case

| Tên Usecase | Mã UseCase |
| --- | --- |
|  |  |
| Login | [UC\_C01](#_Login) |
| Logout | UC\_C02 |
| Create account | [UC\_C03](#_Create_account) |
| Get back password | UC\_C04 |
| Search product | UC\_C05 |
| View product detail | [UC\_C06](#_View_product_detail) |
| View products | [UC\_C07](#_View_products) |
| Embed product | UC\_C08 |
| Manage profile | UC\_C09 |
| Feed Back | [UC\_C10](#_Feed_Back) |
| Create a auction | [UC\_C11](#UC_C11) |
| Watch own auction | UC\_C12 |
| View own product | UC\_C13 |
| Places bid | [UC\_C14](#_Places_bid) |
| View own trading history | [UC\_C15](#_View_own_trading) |
| User Manager | UC\_C16 |
| Manage Genre | [UC\_C17](#_Manage_Genre_1) |
| View trading history | UC\_C18 |
| Configure system | [UC\_C19](#_Configure_System_1) |

## Actor



Hình 2: Danh sách Actor

### User

Người dùng đến xem website và sản phẩm đang trưng bày, đấu giá.

### Registered User

Thành viên của hệ thống: có tài khoản và có quyền tương ứng.

### Seller

Người trưng bày sản phẩm và cho phép Người mua đấu giá sản phẩm đó.

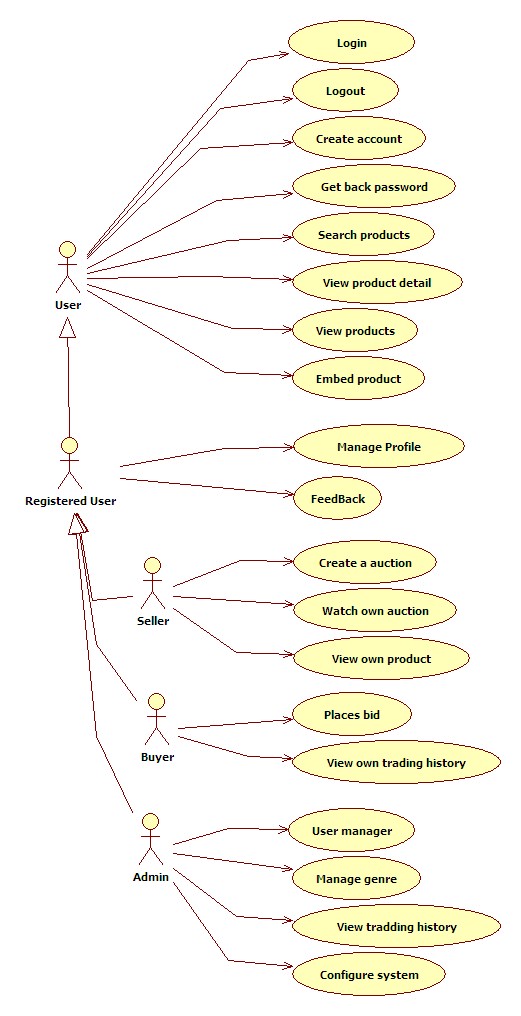
### Buyer

Người tham gia đấu giá

### Admin

Người quản trị toàn hệ thống.

# Đặc tả Usecase



Hình 3: Lược đồ Usecase

## Product module

### Create a auction

#### Ký hiệu UC\_C11

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người Bán đưa sản phẩm của họ lên sàn đấu giá.

#### Actor: Người Bán

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi một Người Bán muốn đăng sản phẩm mình để cho các thành viên khác đấu giá.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Bán** | **Hệ thống** |
| 1. Người Bán chọn chức năng Đăng sản phẩm |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu Đăng sản phẩm cho Người Bán điền thông tin: thể loại sản phẩm, tên sản phẩm, hình ảnh của sản phẩm, tình trạng sản phẩm, giá khởi điểm, giá bán ngay, bước giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc. |
| 1. Người Bán điền đầy đủ thông tin và chọn chức năng lưu lại. |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin Người Bán đã điền vào. (VD: thời gian bắt đầu đấu giá phải sau thời gian hiện tại).  Hệ thống lưu thông tin vào kho hàng Người Bán. |
|  | 1. Hệ thống cho phép Người Bán mô tả chi tiết sản phẩm, phương thức thanh toán, phương thức vận chuyển, thông tin liên hệ. |
| 1. Người Bán mô tả chi tiết sản phẩm, phương thức thanh toán, phương thức vận chuyển, chi tiết liên lạc và chọn chức năng lưu lại. |  |
|  | 1. Hệ thống lưu thông tin vào kho hàng của Người Bán |
| 1. Người bán đồng ý đã hoàn tất quá trình điền và mô tả thông tin sản phẩm. |  |
|  | 1. Hệ thống cho phép Người bán lựa chọn hình thức thanh toán. |
| 1. Người bán chọn hình thức thanh toán. |  |
|  | 1. Hệ thống tạo hóa đơn giao dịch bao gồm các thông tin: mã hóa đơn, tên sản phẩm/dịch vụ, đơn giá, số lượng, tổng thành tiền, họ và tên Người bán, tên tài khoản Người bán trong Hệ thống, Hình thức thanh toán.   Hiển thị hóa đơn cho Người bán xem.  Đề nghị Người bán thanh toán hóa đơn trên trong vòng 7 ngày. |
| 1. Người Bán thanh toán hóa đơn |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra, xử lý hóa đơn: đăng sản phẩm theo thời gian mà người bán yêu cầu. 2. Usecase kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Sau 7 ngày Người bán chưa thanh toán hóa đơn | Hệ thống hủy hóa đơn, và gửi thông báo cho Người Bán. |
| Ngày đăng sản phẩm theo yêu cầu Người bán trước ngày thanh toán. | Hệ thống chỉ đăng sản phẩm sau khi Người bán đã thanh toán Hóa đơn.  Hệ thống sẽ đăng sản phẩm ngay sau khi Người bán thanh toán, và cộng thêm thời gian đấu giá. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Bán đăng sản phẩm thành công. Hệ thống đăng sản phẩm và cho các thành viên khác tham gia đấu giá vào đúng thời gian người bán yêu cầu.

#### Điểm mở rộng: không có.

### View product detail

#### Ký hiệu UC\_C06

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người dùng.

#### Actor: Người dùng

#### Điều kiện tiên quyết:

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi một Người dùng chọn xem bất kỳ một sản phẩm trong list sản phẩm trên trang web

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Mua** | **Hệ thống** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm. Gồm các thông tin... |
|  | 1. Usecase kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Người Mua chọn sản phẩm khác | Hệ thống hiển thị chi tiết sản phẩm Người Mua chọn. |
| Bid mà Người Mua đưa ra thấp hơn giá hiện tại. | Hệ thống thông báo cho Người Mua việc đặt bid của Người Mua không thành công. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: người dùng có thể xem thông tin chi tiết sản phẩm.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Places bid

#### Ký hiệu UC\_C19

#### Tóm tắt

Usecase mô tả hành động đấu giá sản phẩm, bao gồm thanh toán sản phẩm, giao hàng.

#### Actor: Buyer

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Buyer đăng nhập hệ thống
2. Buyer chọn sản phẩm muốn tham gia đấu giá, xem chi tiết sản phẩm.
3. Buyer đặt bid.
4. Hệ thống cập nhật bid dưới hệ thống.
5. Hệ thống cập nhật danh sách lượt tham gia đấu giá.
6. Hệ thống ghi lược sử Buyer tham gia đấu giá sản phẩm này: Sản phẩm, ngày giờ phút giây, bid.
7. Hệ thống cập nhật lên giao diện.
8. Buyer theo dõi cuộc đấu giá.
9. Hết thời gian đấu giá. Hệ thống sẽ gửi mail thông báo nếu Buyer chiến thắng trong phiên đấu giá này.
10. Hệ thống gửi mail cho seller.
11. Quá trình thanh toán là sự thỏa thuận giữa buyer và seller.

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase seller bán được sản phẩm. Buyer mua được sản phẩm

#### Điểm mở rộng: không có.

### View products

#### Ký hiệu UC\_C07

#### Tóm tắt

Usecase mô tả các cách thể hiện danh sách các sản phẩm lên trang web để giới thiệu cho người xem.

#### Actor: All

#### Điều kiện tiên quyết:

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi user mở trang chủ của web, hoặc mở các thể loại của trang web.

1. Hệ thống xử lý hiện danh sách các sản phẩm:

* Đang đấu giá “hot” dựa vào tiêu chí đang có nhiều người tham gia đặt bid nhất, giới hạn trang có 10 sản phẩm.
* Sản phẩm mới chuẩn bị đưa lên sàn, tiêu chí chọn lọc là các sản phẩm chuẩn bị được đưa ra đấu giá còn cách một tiếng đồng hồ.
* Sản phẩm sắp kết thúc đấu giá, tiêu chí chọn lọc là những sản phẩm còn một tiếng là kết thúc đấu giá.
* Sản phẩm tương tự, chỉ hiện trên trang chi tiết sản phẩm với tiêu chí lựa chọn là các sản phẩm có cùng thể loại với sản phẩm được xem.
* Sản phẩm cùng seller, chỉ hiện trên trang chi tiết sản phẩm với tiêu chí lựa chọn là các sản phẩm có cùng seller với sản phẩm được xem.
* Sản phẩm người xem đã xem qua, lưu lại dưới hình thức cookie hoặc localStore (html5), mỗi lần user vào trang chủ sẽ hiển thị danh sách 10 sản phẩm đã xem gần đây nhất.

Các quy định thời gian cho các mục “Sản phẩm mới chuẩn bị đưa lên sàn”, “Sản phẩm sắp kết thúc đấu giá” sẽ được thay đổi bởi usecase [*Configure System*](#_Configure_System)

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thêm xóa sửa được menu, thay đổi được thông tin email ngân lượng và email hệ thống.

#### Điểm mở rộng: không có.

### View own trading history

#### Ký hiệu UC\_C15

#### Tóm tắt

Usecase mô tả việc hiển thị lược sử giao dịch cho buyer trong vòng 6 tháng gần đây. (tức là tính 6 tháng từ ngày hiện hành) sau đó thì hệ thống có quyền xóa toàn bộ lược sử này và sau này không giải quyết vấn đề cập nhật hay xem lại..

#### Actor: Buyer

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Usecase bắt đầu khi người dùng chọn lên menu chức năng Xem lịch sửa giao dịch.
2. Hệ thống hiển thị lên danh sách sản phẩm buyer đã tham gia đấu giá, chi tiết các lần đặt bid, thời gian đặt bid, kết quả đấu giá thành công hay không.

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase người dùng có thể biết được các thông tin đã giao dịch trong vòng sáu tháng trước.

#### Điểm mở rộng: không có.

### View own product

#### Ký hiệu UC\_C15

#### Tóm tắt

Usecase mô tả việc quản lý sản phẩm đã đăng,dành cho seller để xem lại thông tin các sản phẩm đã add, buôn bán ra sao.

#### Actor: Seller

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Seller chọn chức năng xem danh sách sản phẩm đã đăng
2. Hệ thống hiển thị danh sách các sản phẩm đã đăng (trong vòng 1 năm). Mỗi sản phẩm bao gồm các thông tin:

a. Ngày đăng sản phẩm

b. Thông tin về sp: liệt kê lại từ usecase Đăng Sản Phẩm (tên sản phẩm, tình trạng sản phẩm: mới hay đã qua sử dụng…, Giá khởi điểm, Giá mua ngay (nếu có), Thời gian bắt đầu cho đấu giá, Thời gian kết thúc đấu giá…)

c. hiện trạng thanh toán ( seller đã thanh toán cho hệ thống hay chưa)

d. Hiện trạng cuộc đấu giá: chưa, đang, đã xong.

e. danh sách buyer tham gia đặt giá.

f. Ds buyer chiến thắng (được seller đánh giá – feedback)

1. Hệ thống chỉ cho phép Seller chỉnh sửa thông tin sản phẩm và phải chỉnh sửa trước ngày đưa lên sàn.

#### Dòng sự kiện phụ

Seller chỉnh sửa thông tin sản phẩm.Điều kiện để thực hiện dòng sự kiện phụ này là sản phẩm chưa được đưa lên sàn.

1. Seller chọn edit sản phẩm
2. Hệ thống hiển thị tất cả thông tin sp: thể loại sản phẩm, tên sản phẩm, hình ảnh của sản phẩm, tình trạng sản phẩm, giá khởi điểm, giá bán ngay, bước giá, thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc lên giao diện cho phép seller chỉnh sửa.
3. Seller chỉnh sửa và chọn chức năng cập nhật. Hệ thống cập nhật thông tin.
4. Sau 7 ngày Người bán chưa thanh toán hóa đơn, hệ thống hủy sản phẩm khỏi hệ thống và khỏi danh sách sản phẩm đăng.

Bắt đầu từ lúc sản phẩm được đưa lên sàn, Seller không được sửa thông tin về sản phẩm nữa.

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase người dùng có thể biết được các thông tin đã giao dịch trong vòng sáu tháng trước.

#### Điểm mở rộng: không có.

## User module

### Create account

#### Ký hiệu UC\_C03

#### Tóm tắt

Use case cho phép Khách đăng ký trở thành khách hàng thành viên, có thể tham gia đấu giá sản phẩm hay đăng sản phẩm để đấu giá.

#### Actor: Khách

#### Điều kiện tiên quyết: không có

#### Dòng sự kiện chính

Use case bắt đầu khi một Khách muốn đăng ký làm thành viên của hệ thống.

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Khách** | **Hệ thống** |
| 1. Khách chọn chức năng đăng ký thành viên |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu Đăng ký cho Khách nhập dữ liệu vào. Gồm có: họ, tên, tên đăng nhập, email, nhập lại email, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha. |
| 1. Khách điền đầy đủ thông tin vào mẫu đăng ký, đồng ý với các điều khoản hệ thống đưa ra và đăng ký |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra tên đăng nhập, email, số điện thoại đã tồn tại chưa.   Kiểm tra tính hợp lệ của các thông tin: họ, tên, email, số điện thoại, ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha. |
|  | 1. Hệ thống hiển thị thông báo kết quả đăng ký thành công và lưu tạm thời thông tin Khách. 2. Hệ thống gửi vào mail của Khách tên đăng nhập, mật khẩu (tạo ngẫu nhiên).   Hệ thống yêu cầu Khách xác nhận thông tin đăng ký và khuyến cáo Khách đổi mật khẩu trong lần sử dụng đầu tiên. |
| 1. Khách xác nhận |  |
|  | 1. Hệ thống lưu thông tin Khách. 2. Use case kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Tên đăng nhập đã tồn tại | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu Khách chọn Tên đăng nhập khác. |
| Email hoặc số điện thoại đã tồn tại | Hệ thống hiển thị thống báo yêu cầu Khách kiểm tra lại email hoặc số điện thoại đã điền đúng chưa. Nếu Khách đã đăng ký vui lòng chọn chức năng lấy lại mật khẩu. |
| Khách nhập thiếu thông tin | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu nhập đủ thông tin. |
| Thông tin về họ, tên, email, số điện thoại ngày sinh, giới tính, chỗ ở hiện nay, captcha không hợp lệ | Hệ thống hiển thị thông báo yêu cầu Khách khai báo chính xác (kèm theo hướng dẫn, ghi chú. VD: số điện thoại từ 10-11 số). |
| Sau 7 ngày mà Khách không xác nhận mật khẩu. | Hệ thống xóa thông tin tạm thời Khách đã đăng ký. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Khách đăng ký thành công và trở thành Thành Viên của hệ thống. Hệ thống cập nhật dưới CSDL.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Login

#### Ký hiệu UC\_C01

#### Tóm tắt

Use case cho phép Thành Viên đăng nhập vào hệ thống

#### Actor: Thành Viên

#### Điều kiện tiên quyết: đã là thành viên của hệ thống – có tài khoản trong hệ thống.

#### Dòng sự kiện chính

Use case bắt đầu khi một Thành Viên muốn đăng nhập vào hệ thống

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Thành Viên** | **Hệ thống** |
| 1. Thành Viên chọn vào chức năng Đăng nhập |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu Thành Viên nhập Tên đăng nhập, Mật khẩu. |
| 1. Thành Viên nhập Tên đăng nhập, Mật khẩu. |  |
|  | 1. Hệ thống kiểm tra Tên đăng nhập, Mật khẩu được nhập và cho phép Thành Viên đăng nhập vào hệ thống. 2. Use case kết thúc. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |
| Thành Viên nhập sai Tên đăng nhập, Mật khẩu. | Hệ thống đưa ra yêu cầu để Thành Viên chọn lựa:   1. Nhập lại 2. Hệ thống gửi lại mật khẩu nếu Thành Viên quên mật khẩu. 3. Hủy bỏ đăng nhập   Nếu Thành Viên chọn:   1. ***Nhập lại***: hệ thống trở về đầu dòng sự kiện chính. 2. ***Lấy lại mật khẩu***: Hệ thống thực hiện usecase Lấy lại mật khẩu. 3. ***Hủy bỏ đăng nhập***: use case kết thúc với trạng thái hệ thống không thay đổi. |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Nếu Thành Viên đăng nhập thành công, hệ thống cung cấp quyền tương ứng cho actor. Nếu không trạng thái hệ thống không thay đổi..

#### Điểm mở rộng: không có.

### Feed Back

#### Ký hiệu UC\_C10

#### Tóm tắt

Usecase cho phép người mua và người bán đánh giá uy tín của nhau qua quá trình giao dịch.

#### Actor: Buyer, Seller

#### Điều kiện tiên quyết: Đã đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

1. Usecase bắt đầu khi phiên đấu giá kết thúc.
2. Trong thời gian 7 ngày sau tính từ lúc phiên đấu giá kết thúc. Người bán đánh giá người mua: cho điểm với các mức 0, 10, 20, 30 40, 50 60, 70, 80 ,90 100.
3. Người mua nào được người bán đánh giá thì hệ thống cho phép đánh giá ngược lại người bán. Cũng với thang điểm như trên.
4. Hệ thống cập nhật điểm mới và tính trung bình.
5. Hệ thống hiển thị lên giao diện: số lần user được đánh giá, số điểm trung bình của các cuộc đánh giá đó.
6. Sau 7 ngày kể từ lúc phiên đấu giá kết thúc. Usecase kết thúc, người mua và người bán không được đánh giá cho lần giao dịch này nữa.

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase buyer và seller đánh giá điểm của nhau thành công.

#### Điểm mở rộng: không có.

## Admin module

### Configure System

#### Ký hiệu UC\_C19

#### Tóm tắt

Usecase cho phép Người Quản Trị chỉnh sửa thông tin email hệ thống (dùng trong việc gửi mail đến Khách hoặc các hoạt động thông báo), email ngân lượng (tiếp nhận các thông báo chuyển tiền từ ngân lượng) . Chỉnh sửa các tham số thời gian cho show sản phẩm của usecase [*Show Products*](#_Show_Products)

#### Actor: Người Quản Trị

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi Người Quản Trị chọn vào mục quản lý cấu hình hệ thống. Từ đây sẽ có sub-flow cho“cấu hình email ngân lượng và email hệ thống”

#### Configure email

Cách thực hiện cho cả 2 loại email tương tự

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
| 1. Người Quản Trị chọn cấu hình email tương ứng (email hệ thống / email ngân lượng). |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu gồm địa chỉ email và mật khẩu email. |
| 1. Người Quản Trị nhập thông tin mới và chọn cập nhật. |  |
|  | 1. Hệ thống cập nhật CSDL. |
|  |  |
|  |  |

#### Configure Time

Luồng sự kiện dùng để cấu hình thời gian cho hiện “sản phẩm chuẩn bị lên sàn”, “sản phẩm chuẩn bị kết thúc đấu giá”

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
| 1. Người Quản Trị chọn cấu hình thời gian |  |
|  | Hệ thống hiển thị mẫu gồm thời gian giới hạn “sản phẩm chuẩn bị lên sàn”, và thời gian “sản phẩm chuẩn bị kết thúc đấu giá” |
| 1. Người Quản Trị nhập thông tin mới và chọn cập nhật. |  |
|  | 1. Hệ thống cập nhật CSDL. |
|  |  |
|  |  |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thay đổi được thông tin email ngân lượng và email hệ thống, thông tin thời gian.

#### Điểm mở rộng: không có.

### Manage Genre

#### Ký hiệu UC\_C17

#### Tóm tắt

Usecase dùng để người quản trị thêm xóa sửa các thể loại sản phẩm vào hệ thống. Một thể loại mang thông tin tên và mô tả của thể loại đó.

#### Actor: Người Quản Trị

#### Điều kiện tiên quyết: phải đăng nhập vào hệ thống

#### Dòng sự kiện chính

Usecase bắt đầu khi Người Quản Trị chọn mục quản lý thể loại

|  |  |
| --- | --- |
| **Actor: Người Quản Trị** | **Hệ thống** |
|  | 1. Hệ thống hiển thị ra một danh sách các thể loại đã có trước đây, và chức năng thêm xóa sửa một thể loại |
| 1. Người Quản Trị chọn thêm mới một thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu nhập tên thể loại và mô tả. |
| 1. Người Quản Trị chọn đồng ý thêm mới |  |
|  | 1. Hệ thống tiếp nhận thông tin từ mẫu lưu xuống cơ sở dữ liệu |
| 1. Người Quản Trị chọn chức năng xóa một thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống yêu cầu xác nhận |
| 1. Người Quản Trị đồng ý |  |
|  | 1. Hệ thống xóa thể loại |
| 1. Người Quản Trị chọn chỉnh sửa thể loại |  |
|  | 1. Hệ thống hiển thị mẫu chỉnh sửa với các thông tin của thể loại đã chọn gồm tên và mô tả. |
| 1. Người Quản Trị chọn “cập nhật” |  |
|  | 1. Hệ thống thực hiện cập nhật CSDL. |

#### Dòng sự kiện phụ

|  |  |
| --- | --- |
| **Sự kiện xảy ra** | **Hệ thống giải quyết** |

#### Điều kiện sau

Kết thúc usecase: Người Quản Trị thêm xóa sửa được một thể loại vào trong hệ thống.

#### Điểm mở rộng: không có.